

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019



Tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch	Từ ngày 25/4/2019
	Phó Chủ tịch	Đến ngày 25/4/2019
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch	Từ ngày 25/4/2019
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch	Đến ngày 25/4/2019
Ông Võ Văn Phúc	Thành viên	
Ông Phan Quốc Hiếu	Thành viên	Đến ngày 25/4/2019
Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019
Ông Ưông Huy Đông	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban	Đến ngày 25/7/2019
	Thành viên	Từ ngày 25/7/2019
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban	Từ ngày 25/7/2019
	Thành viên	Đến ngày 25/7/2019
Ông Triệu Tuyên	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019

Ban Tổng Giám đốc điều hành

Ông Võ Văn Phúc	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 10/6/2019, đã nghỉ hưu
Ông Phạm Duy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kiều Nghị	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Lê Đình Sơn	Trưởng phòng Tài chính kế toán
-----------------	--------------------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Võ Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Số: 378/2019/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20/8/2019, từ trang 06 đến trang 42 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2019, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi với giá trị là 4,2 tỷ đồng. Nếu Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019 sẽ tăng lên giá trị 4,2 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 4,2 tỷ đồng; chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ cùng giảm đi với giá trị là 4,2 tỷ đồng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong báo cáo tài chính sau:

Thuyết minh tại phần 1.6 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty đã thông qua chủ trương về việc bán một số tài sản có giá trị lớn.

Thuyết minh số 32 - Giao dịch quan trọng, theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT-CTĐS ngày 07/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt, việc bán Khách sạn Quang Phú tại số 379 đường Trương Pháp, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình của Công ty với giá bán là 95 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) đã được thông qua và giao dịch đã hoàn thành.

Thuyết minh số 2.2 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Đường sắt 796 ghi nhận lỗ thuần sau thuế là 21,2 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 7,09 tỷ đồng, tổng nợ phải trả tại ngày 30/06/2019 là 50,8 tỷ, trong khi tổng tài sản tại ngày 30/06/2019 là 54,6 tỷ đồng; Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 ghi nhận lỗ thuần sau thuế là 41,9 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 8,8 tỷ đồng, tổng nợ phải trả tại ngày 30/06/2019 là 121,2 tỷ đồng, trong khi tổng tài sản tại ngày 30/06/2019 là 124,4 tỷ đồng, trong đó các khoản gốc vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên với giá trị ghi sổ là 9,1 tỷ đồng đã quá hạn thanh toán. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 2.2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Đường sắt 796 và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 là hai công ty con của Công ty.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến kết luận kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0933-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		594.342.461.897	563.428.802.352
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.005.797.186	23.756.464.317
Tiền	111		15.314.983.120	21.976.571.673
Các khoản tương đương tiền	112		690.814.066	1.779.892.644
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.253.932	395.999.474
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.253.932	395.999.474
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.482.820.472	167.597.897.106
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	158.530.219.945	151.196.228.533
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.001.013.778	16.500.673.929
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	26.209.293.249	18.365.184.844
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(19.601.746.672)	(19.808.230.372)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.344.040.172	1.344.040.172
Hàng tồn kho	140	8	366.884.024.009	339.894.192.841
Hàng tồn kho	141		366.884.024.009	339.894.192.841
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.961.566.298	31.784.248.614
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.179.929.323	1.363.716.433
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.854.378.200	29.681.536.095
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	927.258.775	738.996.086
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.986.431.113	309.874.346.494
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.842.528.970	5.218.890.552
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	39.799.497	39.799.497
Phải thu dài hạn khác	216	6	7.325.458.948	8.701.820.530
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	7	(3.522.729.475)	(3.522.729.475)
Tài sản cố định	220		182.332.713.560	281.542.065.667
Tài sản cố định hữu hình	221	10	177.005.698.308	276.121.978.481
- Nguyên giá	222		457.144.347.171	560.129.225.621
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(280.138.648.863)	(284.007.247.140)
Tài sản cố định vô hình	227	11	5.327.015.252	5.420.087.186
- Nguyên giá	228		6.285.812.900	6.285.812.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(958.797.648)	(865.725.714)
Bất động sản đầu tư	230	12	3.525.518.146	3.573.812.914
- Nguyên giá	231		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.160.546.945)	(2.112.252.177)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	5.019.277.990	5.801.277.990
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.953.781.750	2.953.781.750
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.065.496.240	2.847.496.240
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	100.000.000	100.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		100.000.000	100.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.166.392.447	13.638.299.371
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	9.124.292.372	13.544.578.371
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.100.075	93.721.000
TỔNG TÀI SẢN	270		798.328.893.010	873.303.148.846

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		548.856.370.820	584.968.615.496
Nợ ngắn hạn	310		523.906.709.983	522.876.200.908
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	150.279.106.837	137.421.897.220
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.053.446.031	53.549.070.329
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.085.140.213	10.218.523.662
Phải trả người lao động	314		10.966.518.800	12.343.028.036
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.664.478.544	6.623.992.948
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	54.339.355.892	48.099.858.259
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	243.678.325.030	253.175.553.661
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		840.338.636	1.444.276.793
Nợ dài hạn	330		24.949.660.837	62.092.414.588
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		19.490.909.090	20.363.639.576
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.295.128.580	1.340.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	4.163.623.167	40.388.775.012
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.472.522.190	288.334.533.350
Vốn chủ sở hữu	410	20	249.472.522.190	288.334.533.350
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.573.830.000	154.573.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.573.830.000	154.573.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		25.766.666.079	25.766.666.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.296.421.018	1.296.421.018
Quỹ đầu tư phát triển	418		137.815.964.647	137.815.964.647
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.836.710.211)	(104.191.615.754)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(104.655.764.035)	(17.560.489.030)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(29.180.946.176)	(86.631.126.724)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		63.856.350.658	73.073.267.360
TỔNG NGUỒN VỐN	440		798.328.893.010	873.303.148.846



Võ Văn Phúc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Lê Đình Sơn
Kế toán trưởng

Phùng Tiến Hải Cường
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	114.868.980.377	238.506.538.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	15.933.256
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.868.980.377	238.490.605.190
Giá vốn hàng bán	11	22	112.645.317.981	273.915.326.371
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.223.662.396	(35.424.721.181)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	60.150.068	10.165.352.284
Chi phí tài chính	22	24	12.215.435.235	15.687.730.227
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.215.002.934</i>	<i>15.569.252.332</i>
Chi phí bán hàng	25	25	260.362.989	1.910.344.362
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	30.126.051.560	32.800.934.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.318.037.320)	(75.658.378.436)
Thu nhập khác	31	26	5.494.430.786	971.689.037
Chi phí khác	32	27	3.061.419.931	1.419.714.892
Lợi nhuận khác	40		2.433.010.855	(448.025.855)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(37.885.026.465)	(76.106.404.291)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		461.215.489	338.884.840
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		51.620.925	(610.296.983)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(38.397.862.879)	(75.834.992.148)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(29.180.946.176)	(54.402.262.163)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(9.216.916.703)	(21.432.729.985)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(1.888)	(3.520)



Võ Văn Phúc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Lê Đình Sơn
Kế toán trưởng

Phùng Tiến Hải Cường
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(37.885.026.465)	(76.106.404.291)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14.110.046.660	15.283.022.113
Các khoản dự phòng	03	(206.483.700)	563.737.768
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(3.650.930.692)	(10.165.352.284)
Chi phí lãi vay	06	12.215.002.934	15.569.252.332
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(15.417.391.263)	(54.855.744.362)
lưu động			
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(10.057.765.471)	15.915.445.950
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(26.989.831.168)	68.236.378.951
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.202.627.664	(38.979.131.522)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	2.604.073.109	633.648.673
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.343.364.023)	(15.569.252.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(416.702.505)	(1.706.316.195)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		223.085.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(603.938.157)	(2.720.802.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.022.291.814)	(28.822.687.837)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.440.893.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	88.113.197.591	490.211.771
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.365.022.172)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.150.068	10.165.352.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	88.173.347.659	25.349.648.883

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	142.894.970.529	203.656.961.115
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(183.796.693.505)	(212.559.279.607)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	5.372.836.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.901.722.976)	(3.529.482.478)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.750.667.131)	(7.002.521.432)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.756.464.317	20.824.205.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.005.797.186	13.821.684.078




Võ Văn Phúc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019


Lê Đình Sơn
Kế toán trưởng


Phùng Tiến Hải Cường
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Công ty Công trình Đường sắt trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008002, cấp lần đầu ngày 25/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 18 ngày 12/06/2019 với mã số Doanh nghiệp mới là 3300101075.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 33, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 25/11/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 778/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt;
- Mã chứng khoán: RCC;
- Mã ISIN: VN000000RCC0;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 15.457.383 cổ phiếu (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi ba cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng);
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ.

Số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty mẹ và các Công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 956 người, tại ngày 30/06/2019 là 698 người.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công các công trình thông tin, tín hiệu, điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết:
 - + Sản xuất các sản phẩm bê tông;
 - + Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện. Chi tiết: Sản xuất, chế biến sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:
 - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải;
 - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - + Xuất nhập khẩu: dầu nhờn, mỡ máy, than, hạt nhựa và các sản phẩm của nhựa;
 - + Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hóa lỏng);
 - + Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:
 - + Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
 - + Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - + Mua, bán hàng hóa phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm);
 - + Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông;
 - + Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
 - + Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (từ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Vận tải hành khách và đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ.

1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.4 CHU KỲ KINH DOANH

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 đơn vị hạch toán trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt - Xí nghiệp Khách sạn Quang Phú (đã chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 19/QĐ-CTĐS-HĐTQ của Hội đồng Quản trị Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt ngày 16/5/2019) và 11 Công ty con bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại 30/06/2019
1 Công ty Cổ phần Công trình 791	32.050.600.000	66,87%
2 Công ty Cổ phần Công trình 792	35.000.000.000	68,57%
3 Công ty Cổ phần Công trình 793	36.500.000.000	63,01%
4 Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	25.000.000.000	97,80%
5 Công ty Cổ phần Công trình 798	38.000.000.000	60,81%
6 Công ty Cổ phần Công trình 875	45.000.000.000	60,38%
7 Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	45.000.000.000	61,34%
8 Công ty Cổ phần Công trình 879	36.500.000.000	67,95%
9 Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	38.124.440.000	87,87%
10 Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	16.771.500.000	100,00%
11 Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tổng hợp	6.000.000.000	100,00%

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện bán Khách sạn Quang Phú, số 379 đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tuấn Phúc kể từ ngày 24/05/2019.

Ngoài ra, Công ty đã thông qua chủ trương về việc bán một số tài sản có giá trị lớn như:

- Bán nhà số 22 ngõ 371 đường Kim Mã, TP Hà Nội,
- Bán đất Trảng Bom tại ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Xử lý bán một số vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng lâu dài, đặc biệt là tài sản vật tư, thiết bị giao cho các đơn vị thuê nhằm giảm nợ vay ngân hàng và giảm chi phí cho các Công ty thành viên;
- Bán Mỏ đá Minh Cầm thuộc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai - Hoàng Mai - Nghệ An.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại 30/06/2019
1	Công ty Cổ phần Công trình 791	32.050.600.000	66,87%
2	Công ty Cổ phần Công trình 792	35.000.000.000	68,57%
3	Công ty Cổ phần Công trình 793	36.500.000.000	63,01%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	25.000.000.000	97,80%
5	Công ty Cổ phần Công trình 798	38.000.000.000	60,81%
6	Công ty Cổ phần Công trình 875	45.000.000.000	60,38%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	45.000.000.000	61,34%
8	Công ty Cổ phần Công trình 879	36.500.000.000	67,95%
9	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	38.124.440.000	87,87%
10	Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	16.771.500.000	100,00%
11	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Tổng hợp	6.000.000.000	100,00%